TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ S - TỈNH L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST
Ngày 03/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Huấn và ông Đỗ Trọng Bằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã S, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Xô - Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh L xét xử sơ thẩm công K vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Sùng A T, sinh ngày 17/5/1998 tại thị xã S, tỉnh L. Nơi cư trú: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Sùng A T, sinh năm 1973 và mẹ đẻ: Giàng Thị C, sinh năm 1973. Cùng cư trú tại: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Vợ: Thào Thị S, sinh năm 2000 trú tại thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Bị cáo chưa có con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/3/2021, tạm giam từ ngày 14/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã S - Có mặt.

2. Vừ A K, sinh ngày 20/10/2000 tại thị xã S, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Vừ A P, sinh năm 1970 và mẹ đẻ: Sùng Thị G, sinh năm 1972. Cùng cư trú tại: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Vợ: Hạng Thị P, sinh năm 1998, cư trú tại: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/3/2021, tạm giam từ ngày 14/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã S - Có mặt.

3. Sùng A P, sinh ngày 30/8/2001 tại thị xã S, tỉnh L. Nơi cư trú: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Sùng A C, sinh năm 1982 và mẹ đẻ: Thào Thị C, sinh năm 1984. Cùng cư trú tại: thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/3/2021, tạm giam từ ngày 14/3/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã S - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vừ A K, Sùng A T: Bà Nông Thị Thúy Hằng, sinh năm 1987 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Địa chỉ: Trụ sở khối 9, phường Nam Cường, thành phố L, tỉnh L - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A P: Bà Bùi Thị Nhung, sinh năm 1987 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Địa chỉ: Trụ sở khối 9, phường Nam Cường, thành phố L, tỉnh L - Có mặt.

Bị hại: Anh Trần Đình T, sinh năm 1979. Cư trú tại: Thôn Giang Đông, xã Vạn Hòa, thành phố L, tỉnh L - Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Phàn Láo L, sinh năm 1985. Cư trú tại: Tổ 2, phường Hàm Rồng, thị xã S, tỉnh L - Có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Thào Thị C, sinh năm 1984. Cư trú tại: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L - Có mặt.

2. Anh Sùng A T, sinh năm 1973. Cư trú tại: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L - Có mặt.

3. Anh Vừ A P, sinh năm 1970. Cư trú tại: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L - Có mặt.

4. Anh Hạng A G, sinh năm 1984. Cư trú tại: Thôn S 2, xã N, thị xã S, tỉnh L - Vắng mặt.

5. Anh Vừ A L, sinh năm 1994. Cư trú tại: Thôn S 1, xã N, thị xã S, tỉnh L - Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970. Cư trú tại: Thôn Can Hồ, xã N, thị xã S, tỉnh L - Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 04/3/2021 sau khi cùng ăn cơm và uống rượu xong Sùng A T rủ Vừ A K, Sùng A P và Vừ A Lỷ đi xin cá chết tại các trại nuôi cá về nấu ăn để tiếp tục uống rượu, K, P, Lỷ đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở Lỷ; K điều khiển xe mô tô chở P đến trang trại nuôi cá nhà anh Phạm Cao Cường. Khi đến nơi gặp ông Phạm Văn Thực. Thấy ông Thực, P hỏi: *"Có cá hồi chết không thì cho xin một hai con về ăn tối"*, ông Thực trả lời *"không có"*. T nói

tiếp: *"Bao nhiêu ao thế này mà không có một con cá chết nào à chú. Phải cho cá, không có thì phải bắt cá sống lên, một năm làm mấy trăm triệu phải cho cá"*. Ông Thực đã nói với anh Trần Đình T là *"T ơi có cá chết không cho chúng nó"*, anh T trả lời *"Không có chú ạ"*. Sau đó ông Thực quay về phía bàn uống nước nơi P, T, Lỷ và K đang ngồi, ông Thực nói *"Không có cá đâu"*. Do không được cho cá, nên T bực tức tiến về phía trước mặt ông Thực rồi dùng tay trái đẩy vào ngực ông Thực, tay phải đấm một phát vào ngực ông Thực. P cũng lao về phía ông Thực xô đẩy ông Thực, Lỷ thì can ngăn không cho T, P đánh ông Thực. Lúc này anh T đi vào trong buồng ngủ lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2 ra, bật sang chế độ quay video, quay lại video hình ảnh của T, P, K, Lỷ. Khi thấy anh T hướng chiếc điện thoại về phía T, P, K và Lỷ để quay video, T liền hô lên *"Không được quay, xóa video đi"*. Anh T vẫn tiếp tục quay video nên T lại hô to *"Giật điện thoại để xóa video"*. Sau đó T, P và K cùng lao về phía anh T để giật chiếc điện thoại trên tay anh T. Khi tiếp cận được anh T, T dùng tay phải đấm một phát vào ngực anh T còn P và K giằng co, xô đẩy anh T để giật chiếc điện thoại trên tay anh T. Ông Thực và Lỷ tiến về phía anh T can ngăn không để T, P, K đánh và giật điện thoại trên tay anh T. Anh T đưa lại chiếc điện thoại cho ông Thực cầm. Thấy vậy T, P, K chuyển sang giằng co, xô đẩy với ông Thực nhằm cướp chiếc điện thoại trên tay ông Thực. Do ông Thực giữ chặt chiếc điện thoại, nên T đã dùng tay phải đấm một phát vào mặt ông Thực, P dùng chân phải đá một phát vào mông ông Thực, K xô đẩy, giằng co với ông Thực còn Lỷ và anh T quay ra phía ông Thực can ngăn. Ông Thực đưa lại chiếc điện thoại cho anh T, anh T cầm điện thoại đút vào túi quần bên trái. Thấy vậy T, P, K bỏ tay ra khỏi người ông Thực, quay ra túm vào người anh T và dồn đẩy anh T lùi sát vào bức tường cạnh cửa ra vào buồng ngủ, K đã dùng tay lấy được chiếc điện thoại trong túi quần anh T rồi chạy ra ngoài trại cá, anh T cũng chạy theo ra phía ngoài nhà tôn, thì T, P chạy đuổi theo sau. Khi đến khu vực bể nuôi cá, T ôm cổ anh T, vật anh T ra nền đất nhưng không vật được, T nhặt một hòn đá ném trúng vào gáy anh T, P cũng nhặt một hòn đá ném trúng phần bụng của anh T. Lỷ ra can ngăn nên T không ném anh T nữa. Sau đó T, P và Lỷ quay ra phía ngoài đường để tìm K.

K sau khi lấy được chiếc điện thoại của anh T, K chạy ra phía ngoài đường cạnh trang trại cá, bật điện thoại lên để mở máy kiểm tra và xóa video nhưng do máy có mật khẩu nên không mở được, K cầm chiếc điện thoại ném thẳng xuống suối nước cạnh đường, trúng vào tảng đá làm vỡ bung chiếc điện thoại. Sau đó K đứng ở đường bê tông đợi P, T, Lỷ.

Lúc này ông Thực đang chạy về phía trang trại nuôi cá của anh G, khi chạy đến khu vực ngã ba đường bê tông thì gặp K. K đứng chặn đầu, ông Thực vẫn lách qua và chạy về phía trại cá nhà anh G, K đuổi theo sau ông Thực, ông Thực chạy đến gần nhà anh G thì bị ngã ra lề đường và bị chó nhà anh G cắn vào đùi bên trái, dẫn đến chảy máu, K khi nghe thấy tiếng chó sủa và nhìn thấy ông Thực bị ngã ra lề đường, K sợ chó không dám đuổi theo ông Thực mà dừng lại đứng đợi T, P, Lỷ. Khoảng 10 phút sau T, P gặp K, K nói với T và P về việc ông Thực bị chó cắn nên cả ba người đi đến vị trí ông Thực để kiểm tra thì thấy ông Thực chân trái có vết chó cắn đang chảy máu và đang ngồi trên nền đất. P đã đến xin lỗi

ông Thực rồi tất cả đi về nhà. Ông Thực được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L, sau đó được chuyển đến Bệnh viện Quân đội 108 tại Hà Nội để điều trị. Đến sáng ngày 05/3/2021, T, K và P đã đến Cơ quan Công an đầu thú và K nhận toàn bộ hành vi phạm tội .

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 10/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã S kết luận: Tổng giá trị còn lại của chiếc điện thoại hiệu Sam Sung Galaxy J2 được trưng cầu định giá là 1.726.084đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 39/TgT ngày 12/03/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện của anh Trần Đình T tại là 2%.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-SP ngày 19/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L, truy tố các bị cáo Sùng A T, Vừ A K và Sùng A P về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sùng A T, Vừ A K và Sùng A P phạm tội "Cướp tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Sùng A T.

Xử phạt bị cáo Sùng A T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vừ A K và Sùng A P.

Xử phạt bị cáo Vừ A K từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Sùng A P từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T và Vừ A K là bà Nông Thị Thuý Hằng. Nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áo dụng đối với các bị cáo. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Sùng A T 02 năm 09 tháng tù. Xử phạt bị cáo Vừ A K 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A P là bà Bùi Thị Nhung nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Sùng A P 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã S đã truy tố đối với các bị cáo, các bị cáo không bổ sung gì vào lời bào chữa của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, Gm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Sùng A T, Vừ A K và Sùng A P đã K nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời K nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời K tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời K của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L truy tố các bị cáo Sùng A T, Vừ A K và Sùng A P ra trước toà án về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết nhất định về pháp luật. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu hủy chứng cứ, coi thường sức khoẻ của người khác nên đã có hành vi dùng vũ lực tấn công và uy hiếp tinh thần của anh Trần Đình T, làm cho anh T lâm vào T trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J2 có trị giá là 1.726.084 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến nhân thân, sức khoẻ và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất Gn đơn. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đối với bị cáo Sùng A T giữ vai trò chính là người khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội và trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm trong vụ án với vai trò thứ nhất. Các bị cáo Vừ A K, Sùng A P là người giữ vai trò đồng phạm thứ hai trong vụ án. Sau khi được bị can Sùng A T hô giật chiếc điện thoại để xóa Video, các bị cáo đã trực tiếp có hành vi dùng vũ lực để tấn công anh Trần Đình T, ông Phạm Văn Thực để chiếm đoạt tài sản. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện.

[4]. Về T tiết tăng nặng, Gm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về T tiết Gm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn K báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Trần Đình T chiếc điện thoại bị vỡ với số tiền

là 1.800.000 đồng. Ngoài ra các bị cáo cũng đã khắc phục cho ông Phạm Văn Thực số tiền 35.000.000 đồng. Người bị hại anh Trần Đình T có đơn xin Gm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đến đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Đây là các T tiết Gm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử cũng cần áp dụng để Gm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy đối với các bị cáo Sùng A T, Vừ A K và Sùng A P cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo đã thực hiện. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các T tiết Gm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như gia cảnh của bị cáo, văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân xã N đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn để trừng trị, đồng thời tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 6 Điều 168 quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"*. Song xét thấy điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn, các bị cáo không có tài sản riêng gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho anh Trần Đình T số tiền 1.800.000 đồng. Anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về mức hình phạt đối với các bị cáo là nhẹ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 đoạn Video ghi lại hành vi đánh, cướp tài sản của các bị cáo tại ao nuôi cá. Xét thấy đây là vật chứng của vụ án cần lưu hồ sơ vụ án theo quy định.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ biển kiểm soát 24B2-039.52, đăng ký xe số 046165 mang tên Sùng A T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ biển kiểm soát 24B2-069.39, đăng ký xe số 145411 mang tên Vừ A K. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bị cáo K, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2 màu trắng đã bị nứt vỡ màn hình và không có nắp sau, không có pin là tài sản riêng hợp pháp của anh Trần Đình T cần tuyên trả lại bị hại.

[10] Về án phí: Các bị cáo Sùng A T, Vừ A K và Sùng A P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng A T, Vừ A K, Sùng A P phạm tội "Cướp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng A T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Vừ A K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Sùng A P 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2021.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Sùng A T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ; Biển kiểm soát 24B2-039.52, 01 đăng ký xe số 046165 mang tên Sùng A T.

- Trả lại cho bị cáo Vừ A K: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ biển kiểm soát 24B2-069.39, 01 đăng ký xe số 145411 mang tên Vừ A K.

- Trả lại cho anh Trần Đình T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2, màu trắng đã bị nứt vỡ màn hình và không có nắp sau, không có pin.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thị xã S với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S ngày 23/8/2021.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Sùng A T, Vừ A K và Sùng A P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND thị xã S;
- Công an thị xã S (3);
- Nhà tạm giữ công an thị xã S;
- Sở tư pháp tỉnh L;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo (3); Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo (2);
- Chi cục THADS thị xã S;
- THA HS (3);
- Lưu HS,TA,VP.

Nguyễn Mạnh Thắng